TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 24/9/2018
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quản

Ông Đặng Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – là Thư ký của Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy – kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 20/2018/TLPT-HNGĐ ngày 28/6/2018 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 42/2018/HNGĐ-ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 182/2018/QĐ-PT ngày 06/8/2018; Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 113/2018/QĐ-PT ngày 20/8/2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 203/2018/QĐ-PT ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Minh T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tâm: Luật sư Trần Văn Đ – Công ty luật TNHH MTV B.

3. Người kháng cáo: Ông Hoàng Minh T – bị đơn

Các đương sự và luật sư đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

- Nguyên đơn Phạm Thị Nhân trình bày:

Bà và ông Hoàng Minh T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H. Ông T thường xuyên nhậu nhẹ, không lo

làm ăn, không quan tâm đến vợ con, khi say xỉn thì chửu bới, xúc phạm gia đình vợ. Tháng 6/2016, bà đưa các con về Tây Ninh sinh sống và sống ly thân với ông T cho đến nay. Do không hàn gắn được tình cảm, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Hoàng Minh T.

Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung gồm: Hoàng Kim Thảo A, sinh ngày 31/10/2012; Hoàng Kim Thảo V, sinh ngày 08/4/2014; Hoàng Minh K, sinh ngày 13/02/2016. Nếu ly hôn, bà nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Cháu A và cháu V đang sống cùng bà tại Tây Ninh, còn cháu Khôi thì cuối năm 2017 ông T đã đưa về huyện H, Bình Thuận sinh sống, do cháu Khôi còn nhỏ cần có mẹ chăm sóc nên đã nhiều lần bà yêu cầu ông T giao con cho bà nuôi dưỡng nhưng bị ông T ngăn cản.

Nợ chung, tài sản chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Hoàng Minh T trình bày:

Ông và bà N đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H. Ông và bà N không có mâu thuẫn nhưng bà N muốn về Tây Ninh sinh sống nhưng ông không đồng ý, nhiều lần ông yêu cầu bà N đưa các con về huyện H sinh sống nhưng bà N không làm. Nay bà N yêu cầu ly hôn ông không đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông thống nhất với trình bày của bà N. Nếu Tòa án cho ly hôn, ông có nguyện vọng nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng.

Sau khi hòa giải không thành,

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện H đã đưa vụ án ra xét xử tại bản án số 42/2018/HNGĐ–ST, quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9, 51, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Hoàng Minh T.

2. Con chung: Bà Phạm Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Hoàng Kim Thảo A, sinh ngày 31/10/2012; Hoàng Kim Thảo V, sinh ngày 08/4/2014; Hoàng Minh K, sinh ngày 13/02/2016.

Buộc ông Hoàng Minh T giao cháu Hoàng Minh K cho bà Phạm Thị N nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét.

Ông Hoàng Minh T được quyền thăm nom, chăm sóc con, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, ông Hoàng Minh T được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và các quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 30/5/2018, ông Hoàng Minh T kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Hoàng Kim Thảo V, sinh ngày 08/4/2014.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Hoàng Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho ông được quyền trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung.

Luật sư Trần Văn Đ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Minh T với lý do: Ông Hoàng Minh T có nơi ở ổn định, có tài sản, có thu nhập từ nuôi bò, thu hoạch vườn xoài của cha mẹ cho. Tòa sơ thẩm xác định ông Hoàng Minh T không có thu nhập nên không đảm bảo điều kiện nuôi con là không đúng.

Nguyên đơn Phạm Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông T, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật.

+ Đối với kháng cáo yêu cầu được nuôi 01con chung của ông Hoàng Minh T: Ông Hoàng Minh T kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh ông đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Hoàng Minh T; bị đơn Hoàng Minh T cư trú tại xã T, huyện H. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Hoàng Minh T:

Ông Hoàng Minh T và bà Phạm Thị N có 03 người con chung gồm: Hoàng Kim Thảo A, sinh ngày 31/10/2012; Hoàng Kim Thảo V, sinh ngày 08/4/2014;

Hoàng Minh K, sinh ngày 13/02/2016. Các cháu đều ở độ tuổi còn nhỏ, khi ly hôn cả ông T và bà N đều có nguyện vọng nuôi con. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông T xác định do điều kiện làm việc thường xuyên đi làm thuê ở xa, không có nhiều thời gian để chăm sóc con, việc chăm sóc con cái phải nhờ cha mẹ ông giúp đỡ; quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh thu nhập và có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung; tại Tòa án cấp phúc thẩm ông T cung cấp cho Tòa án 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông nhưng các giấy tờ này không chứng minh ông có thu nhập ổn định để nuôi dưỡng con chung. Ông T và luật sư Đ trình bày, một năm ông T thu nhập 140.000.000 đồng từ thu hoạch xoài nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh trình bày này là có căn cứ. Ngược lại, bà Phạm Thị N lại cung cấp cho Tòa án tài liệu để chứng minh thu nhập của bà là ổn định, đảm bảo nuôi dưỡng các con chung, hơn nữa công việc của bà là kế toán cho một công ty nước ngoài nên mang tính ổn định, có thời gian chăm sóc các con; các con chung từ khi sinh ra đến nay đều do bà Nh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, các cháu phần lớn có thời gian ở bên cạnh mẹ nên tình cảm đã gắn bó, nên nếu tách các cháu ra ra sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý, đến sự phát triển của các cháu. Các cháu hiện nay còn rất nhỏ, cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi, nếu tách các cháu khỏi mẹ và chị em của cháu thì không đảm bảo được việc phát triển bình thường về tâm, sinh lý của các cháu. Tòa sơ thẩm giao 03 cháu cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc là hoàn toàn có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T không chứng minh được ông T có khả năng nuôi con chung để đảm bảo sự phát triển toàn diện cho con chung. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T và đề nghị của luật sư.

[3] Về án phí: Kháng cáo của ông Tâm không được chấp nhận, bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm đương sự không kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Minh T. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình số 42/2018/HNGĐ-ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện H.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, 51, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Hoàng Minh T.

2. Con chung: Bà Phạm Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Hoàng Kim Thảo A, sinh ngày 31/10/2012; Hoàng Kim Thảo V, sinh ngày 08/4/2014; Hoàng Minh K, sinh ngày 13/02/2016.

Buộc ông Hoàng Minh T giao cháu Hoàng Minh K cho bà Phạm Thị N nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét.

Ông Hoàng Minh T được quyền thăm nom, chăm sóc con, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, ông Hoàng Minh T được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0016617 ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Bà N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Ông Hoàng Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0016756 ngày 07/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (24/9/2018)

***Nơi nhận*:**
-VKSND tỉnh B;
-TAND huyện H;
- THADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan